

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N,
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2021

“Về việc tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Ngọc N1, sinh năm 1989. Có mặt

HKTT: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C1

Tạm trú: Số 4B Đường số 12, Khu vực 2, phường A, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Tạ Hoàng K, sinh năm 1987. Vắng mặt

HKTT: ấp Tân Th, xã T1, huyện Đ, tỉnh C1

Tạm trú: Số 4B Đường số 12, Khu vực 2, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, nguyên đơn chị Lê Ngọc N1 trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình. Chị và anh Tạ Hoàng K tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C1 vào ngày 05/5/2011.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khá đầm ấm và hạnh phúc. Thời gian sau có nhiều việc không hòa hợp, nhưng vì con cái và thương chồng nên chị cố gắng nhẫn nhịn để gìn giữ hạnh phúc gia đình. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chỉ là sự chịu đựng. Mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Về hôn nhân, xin ly hôn với anh K.

Về con chung, có 02 con chung là Tạ An T2 (Nam), sinh ngày 12/6/2012 và Tạ Hoàng K1 (Nữ), sinh ngày 24/12/2017. Yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại tòa, chị N1 giữ yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, giữa chị N1 và anh K có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N1 yêu cầu ly hôn với anh K là phù hợp. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N1 với anh K.

Về con chung, đề nghị giao cháu Tạ An T1 và Tạ Hoàng K1 cho chị N1 nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn cư trú tại quận N, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời khai của chị N1, giữa chị và anh Tạ Hoàng K tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C vào ngày 05/5/2011, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc hôn nhân giữa các đương sự là trên cơ sở tự nguyện, ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, do bất hòa trong cuộc sống. Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Nay chị N1 yêu cầu ly hôn với anh K là phù hợp, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị N1 ly hôn với anh K.

[4]. *Về con chung*: Đương sự có 02 con chung, gồm: Tạ An T1 (Nam), sinh ngày 12/6/2012 và Tạ Hoàng K1 (Nữ), sinh ngày 24/12/2017. Chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con đến trưởng thành, ý nguyện của cháu Tường là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và cháu K1 còn nhỏ (dưới 7 tuổi). Xét yêu cầu của chị N1 và ý nguyện của cháu T1 là phù hợp, nên chấp nhận. Giao 02 con cho chị N1 nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N1 không yêu cầu nên không buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền cản trở.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Lê Ngọc N1 với anh Tạ Hoàng K.

Về con chung: Giao cháu Tạ An T1 (Nam), sinh ngày 12/6/2012 và Tạ Hoàng K1 (Nữ), sinh ngày 24/12/2017 cho chị N1 nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị N1 chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí chị N1 đã nộp theo Biên lai thu số 003505 ngày 30/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C thành án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Ủy ban nhân dân phường A, Quận N, thành phố C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Quân

